

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:
12/2023/KDTM-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: H, L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Thắng L, sinh năm 1998; địa chỉ: tầng A, đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 5 năm 2023), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH P; địa chỉ: thửa 105, tờ bản đồ số 27, kh. phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương là người đại diện pháp luật của bị đơn, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm, sinh năm 1988; địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-4-2023, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là ông Trần Thắng L trình bày:

Công ty TNHH P (viết tắt là Công ty) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (viết tắt là Ngân hàng) cụ thể:

Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21035 ngày 28 tháng 01 năm 2021 với hạn mức 592.000.000 (năm trăm chín mươi hai triệu) đồng, mục đích vay là mua ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA 2.0 E 8 chỗ, số sàn, mới 100% sản xuất tại Việt Nam theo hợp đồng mua bán số 22/HĐMB/TESC-ID/2021/IEO giữa Công ty Cổ phần T với Công ty T1 ngày 19 tháng 01 năm 2021. Khế ước nhận nợ lần: 01/số EGV 21035-01 ngày 29 tháng 01 năm 2021 với số tiền là 592.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 8.3% năm, ngày giải ngân 29 tháng 01 năm 2021 đến ngày 20 tháng 01 năm 2026, để bảo đảm cho khoản vay trên các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm cho tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, số khung RL4JW3EM0L 3374905; số máy 1TRA809040; biển số 61A-894.21, do Phòng C Công an tỉnh B cấp. Việc thế chấp và nhận tài sản thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số EGV 21037 ngày 28 tháng 01 năm 2021, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Xuân Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV 21037 ngày 28 tháng 01 năm 2021, trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển thành vay quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu gồm: nợ gốc 408.634.488 đồng, nợ lãi quá hạn 100.246.517 đồng, nợ chậm trả 6.214.730 đồng. Tổng cộng 515.095.735 (năm trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty TNHH P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, số khung RL4JW3EM0L3374905; số máy 1TRA809040; biển số 61A-894.21 và tài sản của ông Nguyễn Xuân Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 6 năm 2023 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo pháp luật của bị đơn [Công ty TNHH P](#) trình bày: thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quá trình cho vay và tài sản thế chấp bảo đảm, đồng ý trả nợ gốc và lãi như nguyên đơn trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Nguyễn Xuân Đ](#) trình bày: thống nhất ý kiến bị đơn không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu [Công ty TNHH P](#) thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn [Công ty TNHH P](#) có địa chỉ trụ sở chính: [khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn [Công ty TNHH P](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Nguyễn Xuân Đ](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 07 tháng 9 năm 2023 và ngày 28 tháng 9 năm 2023 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Bị đơn Công ty thừa nhận nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Ngân hàng và Công ty đã ký các Hợp đồng cho vay số EGV/21035 ngày 22 tháng 01 năm 2021 với hạn mức 592.000.000 (năm trăm chín mươi hai triệu) đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo Khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 01 năm 2021 với số tiền 592.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng lãi suất vay trong hạn thời điểm giải ngân 8.3% năm. Khoản tín dụng cấp cho Công ty được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông [Nguyễn Xuân Đ](#) và bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, số khung RL4JW3EM0L3374905; số máy 1TRA809040; biển số 61A-894.21. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ và hợp đồng bảo đảm giữa Ngân hàng và Công ty là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, bị đơn cũng thừa nhận số nợ gốc, lãi và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không thỏa thuận được phương thức thanh toán với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc buộc bị đơn phải trả là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu trả liền lãi: Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số EGV/21035 ngày 22 tháng 01 năm 2021 lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận là bằng 150% mức lãi trong hạn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29 tháng 9 năm 2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay EGV/21035 ngày 22 tháng 01 năm 2021 đã ký giữa Công ty với Ngân hàng.

[3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ số EGV/21036 ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa Ngân hàng với Công ty và Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21037 ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa [Ngân hàng Thương mại cổ phần V](#) với ông [Nguyễn Xuân Đ](#) có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. [Ngân hàng TMCP V](#) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, số khung RL4JW3EM0L3374905; số máy 1TRA809040; biển số 61A-894.21 để thu hồi nợ. Trong trường hợp phát mãi tài

sản trên không đủ để trả nợ ông [Nguyễn Xuân Đ](#) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ 1.000.000 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 317, 320 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP V](#) đối với bị đơn [Công ty TNHH P](#) về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc [Công ty TNHH P](#) có trách nhiệm thanh toán cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21035 ngày 28 tháng 01 năm 2021, tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2023 tổng số tiền 515.095.735 (năm trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc 408.634.488 đồng, nợ lãi quá hạn 100.246.517 đồng, nợ chậm trả 6.214.730 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 cho đến khi [Công ty TNHH P](#) trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức đã ký.

Trường hợp [Công ty TNHH P](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì [Ngân hàng TMCP V](#) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, số khung RL4JW3EM0L3374905; số máy 1TRA809040; biển số 61A-894.21 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp [Công ty TNHH P](#) không thanh toán được khoản nợ thì ông [Nguyễn Xuân Đ](#) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21037 ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa [Ngân hàng Thương mại cổ phần V](#) với ông [Nguyễn Xuân Đ](#).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc [Công ty TNHH P](#) phải nộp 1.000.000 (một triệu) đồng để hoàn trả cho [Ngân hàng Thương mại Cổ phần V](#).

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[Công ty TNHH P](#) phải chịu án phí là 24.603.829 (hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm hai mươi chín) đồng.

H lại cho [Ngân hàng TMCP V](#) số tiền 11.517.325 (mười một triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0010274 ngày 06-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa